

Bản án số: 457/2023/HSST

Ngày: 15/9/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Thẩm phán: Ông Trương Công Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiệu Đình Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

3. Ông Trần Ngọc Thực.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 442/2023/HSST ngày 12/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3964/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với:

- Bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đắc Quỳnh N**; Sinh năm: 1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 2 L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: G N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Thành C và bà Nguyễn Kim N1; có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm: 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú “vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- **Bị hại:** Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1975. Địa chỉ: số E Đ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”

- **Người bào chữa:** Người bào chữa: Luật sư Bùi Trần Nhật V, Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Đắc Quỳnh N “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đắc Quỳnh N có chồng là ông Nguyễn Trí S là nhân viên của Công ty A, theo thỏa thuận giữa Công ty A và Công ty C2 thì ông S làm tài xế chở giám đốc Công ty C2.

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng đầu tháng 5/2021, Như đã dùng thủ đoạn gian dối nói với bà Ngô Thị Thu T (người quen ở gần nhà Như) việc ông Nguyễn Trí S là tài xế lái xe cho S1 của công ty C2 nên mua được các loại hàng hóa khuyến mãi của công ty như (ly, chén, gối ôm, bình giữ nhiệt... có in hình logo C1) với giá rẻ hơn giá thị trường, nếu bà T đồng ý mua thì đưa tiền cho N để mua hàng. Do các mặt hàng khuyến mãi nêu trên đúng với loại hàng bà T đang buôn bán nên bà T đồng ý. Như cung cấp cho bà T tài khoản zalo mang tên Lôi Thanh L (được Như giới thiệu là kế toán công ty C2), tài khoản zalo mang tên “Loan Thảo M” và tài khoản zalo của ông Nguyễn Trí S mang tên “Sáng N2” để Bà T thực hiện việc thỏa thuận, trao đổi mua bán. Sau khi thỏa thuận thì tài khoản “Loan Thảo M” nhắn tin cho bà T về mặt hàng, hình ảnh hàng, mã hàng, số lượng hàng và giá của từng loại sản phẩm. Sau đó, bà T chốt số lượng hàng cần mua, tài khoản “Loan Thảo M” sẽ báo tổng giá trị đơn hàng và yêu cầu bà T chuyển khoản tiền cọc trước (dưới 5% tổng giá trị đơn hàng). Tổng số tiền bà T đặt cọc để mua hàng khuyến mãi của Công ty C2 là 945.250.000 đồng (chuyển khoản 629.000.000 đồng và 315.350.000 đồng tiền mặt). Khi đến thời điểm hẹn giao hàng thì tài khoản “Loan Thảo M”, tài khoản “Sáng N2” và N liên tục viện lý do và không giao hàng cho bà T. Bà T đã yêu cầu hoàn trả lại tiền đặt cọc nếu không giao được hàng cho bà T. Đến ngày 21/12/2021, Như đưa cho bà T “Biên bản bồi hoàn cam kết bồi thường và hoàn cọc”, có chữ ký ghi tên Lôi Thanh L (kế toán) và Hoàng Nguyên H (thủ kho) có đóng dấu tròn, màu đỏ với nội dung cam kết đến hết ngày 04/01/2022, bà Lôi Thanh L sẽ bồi hoàn toàn bộ số tiền bà Ngô Thị Thu T đặt cọc mua hàng khuyến mãi tại kho CocaCola là 945.000.000 đồng kèm 45% tiền bồi thường. Tiếp đến ngày 25/12/2021, bà T viết “Giấy xác nhận giao, nhận tiền” và yêu cầu N xác nhận với nội dung Như có nhận của bà T số tiền 315.000.000 đồng và sẽ hoàn trả vào ngày 29/12/2021. Sau khi ký xác nhận, cam kết sẽ trả tiền cho bà T nhưng Như không thực hiện và né tránh bà T.

Quá trình điều tra xác định bà Lôi Thanh L là hàng xóm của N và cho N mượn 02 thẻ ATM Ngân hàng A1 để quản lý sử dụng, bà L không hưởng lợi gì từ

việc cho Như mượn thẻ và cũng không liên quan đến việc mua bán hàng hóa khuyến mãi như nêu trên.

Qua kiểm tra, xác minh tại Công ty TNHH C2, ông Nguyễn Trí S, bà Lôi Thanh L và người sử dụng số điện thoại 0937526303 không phải là nhân viên, cộng tác viên hoặc người làm các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh các sản phẩm của Công ty TNHH C2. Đối với chương trình khuyến mãi từ ngày 01/4/2021 đến ngày 31/12/2021, Công ty TNHH C2 chưa tìm thấy mối liên hệ hoặc hợp tác nào trong việc thực hiện các chương trình đó với các cá nhân và tài khoản zalo nêu trên. Ngoài ra, Công ty TNHH C2 không có đăng ký, quản lý, sử dụng con dấu hình tròn, mộc đỏ có nội dung “KHO AI-235 TRỰC THUỘC CT COCACOLA VN, TRỰC THUỘC 485 XA LỘ HÀ NỘI LINH TRUNG THỦ ĐỨC” và không có đơn vị nào tên là “Kho AI-245 Trục thuộc CT Cocacola VN”. Con dấu Công ty đăng ký, quản lý, sử dụng là con dấu hình tròn, mộc đỏ có nội dung “CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN N3 ★ M.S.D.N.0300792451-C.T.T.N.H.H ★ TP.THỦ ĐỨC – T.P HỒ CHÍ MINH”

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Lê Đắc Quỳnh N đã nhận tội và khai nhận: vào khoảng đầu năm 2021, Như có mua lẻ hàng khuyến mãi có in hình logo của các nhãn hàng Nutri, C1 để sử dụng qua tài khoản zalo mang tên “Hà Thanh T1”. Như liên lạc tài khoản zalo “Hà Thanh T1” để hỏi mua sỉ hàng khuyến mãi của Công ty C2 thì tài khoản này đã cung cấp cho Như tài khoản zalo mang tên “Loan Thảo M” để Như liên lạc. Sau đó, Như gặp “Hà Thanh T1” và “Loan Thảo M” tại chợ S2, quận T để trao đổi đơn hàng cần mua và cùng thỏa thuận Như sẽ nhận 20% hoa hồng trên tổng đơn hàng. Sau đó, N đã cung cấp cho bà T tài khoản zalo mang tên “Loan Thảo My” để bà T liên lạc, thỏa thuận mua hàng khuyến mãi của Công ty C2. Do bà T không biết L Thảo My nên tiền đặt cọc sẽ được chuyển trực tiếp cho Như. Do đó, N đã mượn 02 tài khoản Ngân hàng của bà Lôi Thanh L (là hàng xóm của N) để sử dụng và bà T đã chuyển tiền đặt cọc vào 02 tài khoản này cho N. Sau khi nhận từ bà T tổng số tiền 945.250.000 đồng, N đã rút tiền ra khỏi tài khoản và đưa cho “Hà Thanh T1” và H (chồng của T1) tổng số tiền 729.000.000 đồng còn lại 216.250.000 đồng Như đã tiêu xài cá nhân. Như không biết nơi ở của vợ chồng “Hà Thanh T1” và cũng không có căn cứ, tài liệu chứng minh việc đã đưa tiền cho vợ chồng “Hà Thanh T1”. Còn “Biên bản bồi hoàn cam kết bồi thường và hoàn tiền cọc” có đóng dấu tròn màu đỏ (trên con dấu có nội dung “KHO AI-235 TRỰC THUỘC CT COCACOLA VN, TRỰC THUỘC 485 XA LỘ HÀ NỘI LINH TRUNG THỦ ĐỨC”, Như đưa cho bà T là của “Hà Thanh T1” đưa cho N, Như biết là giả nhưng vẫn đưa cho bà T nhằm mục đích kéo dài thời gian trả nợ.

Tại Bản kết luận giám định số 1915/KL-KTHS Ngày 14/4/2022 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận chữ viết, chữ ký trên “Giấy xác nhận giao, nhận tiền” ghi ngày 25/12/2021 như sau:

Chữ ký và chữ viết họ tên Ngô Thị Thu T trên mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của bà Ngô Thị Thu T trên mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Chữ ký và chữ viết họ tên Lê Đắc Quỳnh N trên mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của bà Lê Đắc Quỳnh N trên mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Chữ viết nội dung “Người nhận tiền” và chữ viết nội dung “(Tôi xác nhận có nhận ... vào ngày 29/12/2021)” trên mẫu cần giám định so với chữ viết của bà Lê Đắc Quỳnh N trên mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Chữ viết nội dung (trừ chữ viết nội dung “Người nhận tiền” và chữ viết nội dung “(Tôi xác nhận có nhận ... vào ngày 29/12/2021)”) trên mẫu cần giám định so với chữ viết của bà Ngô Thị Thu T trên mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 1841/KL-KTHS ngày 19/4/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “KHO A1- 245 TRỰC THUỘC CT COCACOLA VN – TRỰC THUỘC 485 XA LỘ HÀ NỘI LINH TRUNG THỦ ĐỨC” trên “Biên bản bồi hoàn cam kết bồi thường và hoàn cọc” ghi ngày 21/12/2021 so với hình dấu tròn của Công ty TNHH C2 trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Vật chứng vụ án:

- Bản chính “Biên bản bồi hoàn cam kết bồi thường và hoàn cọc” ghi ngày 12/12/2021 có chữ ký của kế toán Lôi Thanh L và thủ kho Hoàng Nguyên H;

- Bản chính “Giấy xác nhận giao nhận tiền” ghi ngày 25/12/2021 được ký giữa người giao tiền Ngô Thị Thu T và người nhận tiền Lê Đắc Quỳnh N;

Tại cơ quan điều tra, Lê Đắc Quỳnh N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 319/CT-VKS-P2 ngày 05/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Lê Đắc Quỳnh N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

- Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng toàn bộ nội dung lời khai tại cơ quan điều tra đã thừa nhận hành vi phạm tội và mong muốn được khắc phục hậu quả cho bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt như sau:

+ Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Đức Quỳnh N: 12 - 13 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận:* Về tội danh bị truy tố, luật sư không có ý kiến. Thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiện có con nhỏ và phạm tội khi đang mang thai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Quá trình đối đáp, tranh luận tại phiên tòa, Luật sư, bị hại và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến, quan điểm của mình đã trình bày trước phiên tòa, việc tranh luận bổ sung không phát sinh ý kiến gì mới. Các bên bảo lưu quan điểm tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H; Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, vì hiện đang chăm sóc con dưới 02 tháng tuổi, con đang bị bệnh nhưng không có người chăm sóc, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt và xin Hội đồng xét xử cân nhắc, đánh giá toàn diện vụ án, các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn

cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc vắng mặt của bị cáo và tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo thủ tục chung. Việc xét xử vắng mặt bị cáo cũng phù hợp với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và phù hợp với lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

Khoảng đầu tháng 5/2021, Lê Đắc Quỳnh N đưa ra thông tin giả có chồng của N là tài xế lái xe cho giám đốc của Công ty C2 nên được ưu tiên mua các loại hàng hóa khuyến mãi của Công ty như ly, chén, gối ôm, bình giữ nhiệt... có in hình logo Cocacola với giá rẻ hơn giá thị trường. Do tin tưởng thông tin nên bà Ngô Thị Thu T nhiều lần chuyển tiền đặt cọc cho N để mua hàng, sau đó Như chiếm đoạt tiền đặt cọc, tổng số tiền 945.250.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Như khai nhận: sau khi nhận từ bà T tổng số tiền 945.250.000 đồng, N đã rút tiền ra khỏi tài khoản và đưa cho “Hà Thanh T1” và H (chồng của T1) tổng số tiền 729.000.000 đồng còn lại 216.250.000 đồng Như đã tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả điều tra thì N không biết nơi ở của vợ chồng “Hà Thanh T1” và cũng không có căn cứ, tài liệu nào khác chứng minh Như đã đưa tiền cho vợ chồng “Hà Thanh T1” và người tên “H” như lời khai nhận của N. Do đó, có cơ sở xác định bị cáo là người đã đưa ra thông tin gian dối trong việc mua hàng khuyến mãi của công ty C2, rồi từ đó nhận tiền và nhiều lần chiếm đoạt tổng số tiền 945.250.000 đồng của bị hại Ngô Thị Thu T

Với hành vi đó, có căn cứ pháp lý để xác định bị cáo Lê Đắc Quỳnh N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, trực tiếp chiếm đoạt số tiền 945.250.000 đồng của bị hại. Hơn nữa, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả phạm tội theo quy định của các Điều luật viện dẫn, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong quá trình lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo một số tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, bị cáo phạm tội khi đang mang thai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Đối với Lôi Thanh L, Nguyễn Trí S, kết quả điều tra không đủ căn cứ để xác định các cá nhân này có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo nên Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát không xử là có căn cứ.

Đối với tài khoản zalo tên “Loan Thảo M” (số điện thoại đăng ký 0937275889) qua xác minh do Huỳnh Thị Trúc L1, sinh năm 1989, ngụ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chủ thuê bao. Hiện L1 không có mặt tại địa phương, ở đâu không rõ, nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai để làm rõ. Do đó, chưa có căn cứ để xử lý, khi nào xác định được sẽ xem xét xử lý sau.

4]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là: 945.250.000 đồng. Xét thấy, toàn bộ số tiền 945.250.000 đồng của bị hại do bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt, do đó căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cần buộc bị cáo Lê Đắc Quỳnh N trả lại số tiền 945.250.000 đồng cho bị hại Ngô Thị Thu T.

[5]. Về xử lý vật chứng:

+ Đối với các tài liệu: Bản chính “Biên bản bồi hoàn cam kết bồi thường và hoàn cọc” ghi ngày 12/12/2021 có chữ ký của kế toán Lôi Thanh L và thủ kho Hoàng Nguyên H; Bản chính “Giấy xác nhận giao nhận tiền” ghi ngày 25/12/2021 được ký giữa người giao tiền Ngô Thị Thu T và người nhận tiền Lê Đắc Quỳnh N, là tài liệu đang lưu theo hồ sơ vụ án, nên cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[6]. Trên đây là lập luận của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, cũng như lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Lê Đắc Quỳnh N** 12 (Mười hai) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo Lê Đắc Quỳnh N trả lại số tiền 945.250.000 đồng cho bị hại Ngô Thị Thu T.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án đối với: Bản chính “Biên bản bồi hoàn cam kết bồi thường và hoàn cọc” ghi ngày 12/12/2021 có chữ ký của kế toán Lôi Thanh L và thủ kho Hoàng Nguyên H; Bản chính “Giấy xác nhận giao nhận tiền” ghi ngày 25/12/2021 được ký giữa người giao tiền Ngô Thị Thu T và người nhận tiền Lê Đắc Quỳnh N.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 40.357.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời hạn chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TANDCC tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THA HS; (1)
- Phòng PV06 ; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà.